TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 35/2023/DS-ST
Ngày 22/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiếp và bà Lê Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 610/2023/QĐST-DS ngày 03/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 753/2023/QĐST-DS, ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M - sinh năm 1967, trú tại thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1973, trú tại thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (tham gia tố tụng với bên bị đơn): Ông Phạm T – sinh năm 1970, trú tại thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2022; đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2022, các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị M trình bày: Ngày 10 tháng 10 năm 2016 vợ

chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phạm T vay cá nhân bà 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, mục đích vay để chăn nuôi, thời hạn vay từ ngày 10/10/2016 đến ngày 10/10/2021. Sau khi vay vợ chồng bà H trả cho bà 9.600.000 đồng tiền lãi chưa trả nợ gốc. Khi đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà H không trả nợ nên bà khởi kiện đến Tòa án. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 13/01/2023 vợ chồng bà H trả cho bà 20.000.000 đồng nợ gốc, tiếp đến ngày 10/8/2023 ông T chồng bà H đến trả cho bà 40.000.000 nợ gốc. Nay bà rút phần yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả 60.000.000 đồng nợ gốc. Đối với nợ tiền lãi bà yêu cầu: Từ ngày 10/10/2016 đến ngày 12/01/2023 tính lãi suất 1%/tháng trên nợ gốc 60.000.000 đồng; từ ngày 13/01/2023 đến ngày 09/8/2023 tính lãi suất 1%/tháng trên nợ gốc 40.000.000 đồng với số tiền lãi là 47.800.000 đồng, trừ tiền lãi đã trả là 9.600.000 đồng, còn lại là 38.200.000 đồng, bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà H trả số nợ lãi còn lại nêu trên; bà không yêu cầu tính lãi quá hạn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2023; biên bản đối chất ngày 07/3/2023; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 10/10/2016 bị đơn có vay của bà Lê Thị M 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 10/10/2016 đến ngày 10/10/2021, mục đích vay về để chăn nuôi. Sau khi vay bà đã trả cho bà M 20.000.000 đồng tiền gốc và 9.600.000 đồng tiền lãi. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà M bà đồng ý cá nhân bà trả nợ mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi hết nợ; bà không đồng ý trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Phạm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa: Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong thời gian giải quyết vụ án, vi phạm vào các Điều 70, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phần nguyên đơn yêu cầu ông T, bà H trả 60.000.000 đồng nợ gốc; Buộc ông T, bà H cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 38.189.500 đồng tiền lãi tính đến ngày 09/8/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phạm T trả nợ gốc 60.000.000 đồng; xét thấy việc bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà M.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng vay ngày 10/10/2016 các bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng; trong quá trình giải quyết vụ án các bên không tranh chấp về lãi suất đã thỏa thuận. Sau khi vay bà H, ông T đã trả 9.600.000 đồng tiền lãi, nay bà M yêu cầu vợ chồng bà H và ông T tiếp tục trả nợ lãi với lãi suất 1%/tháng tương ứng với số tiền nợ gốc chưa trả tính đến ngày 09/8/2023; với số tiền là 38.200.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm T cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà M là: 38.200.000đồng x 5% = 1.910.000đồng.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Phạm T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền 38.200.000đồng (ba mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Lê Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Phạm T trả số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm T cùng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.910.000 đồng (một triệu chín trăm mười ngàn đồng). Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.340.000 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0004156 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đức